TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DSPT
Ngày: 26/3/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Ông Nguyễn Văn Nhân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Tấn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:***Bà Đỗ Thị Lụa.

Ngày 26tháng 3năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số:95/2017/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DSST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐPT-DS ngày 27 tháng 02năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đinh Lệnh P**, sinh năm 1967 (có mặt)
Bà **Đỗ Thị Hồng N**, sinh năm 1973 (có mặt)

*Người đại diện ủy quyền của bà Đỗ Thị Hồng N:*Ông Đinh Lệnh P. *(Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2017).*

Cùng địa chỉ: Ấp 10, xã B, huyện T, tỉnh Bình Phước
Nơi ở hiện nay: Ấp 2, xã C, huyện T, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1964 (có mặt)
Bà **Hà Thị Ngọc L**, sinh năm 1966 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố H, thị trấn K, huyện T, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L:

- Chị Nguyễn Lan N, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: 70 D, phường E, quận F, thành phố Hồ Chí Minh. *(Văn bản ủy quyền ngày 28/01/2016)*

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1972(có mặt)

Địa chỉ: Số 149/4 đường G 17, phường I, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 70 D, phường E, quận F, thành phố Hồ Chí Minh. *(Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2017)*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*Công ty TNHH Cao su A

Địa chỉ: Ấp 54, xã V, huyện T, tỉnh Bình Phước.

*Người đại diện theo pháp luật:*Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964 – Giám đốc.(có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Công ty TNHH cao su A:

- Chị Nguyễn Lan N, sinh năm 1992

Địa chỉ: 70 D, phường E, quận F, thành phố Hồ Chí Minh. *(Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2017)*

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 149/4 đường G 17, phường I, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 70 D, phường E, quận F, thành phố Hồ Chí Minh.*(Văn bản ủy quyền ngày 24/5/2017)*.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH cao su A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2015, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N trình bày:

Trong giai đoạn từ năm 2011-2012, bà Đỗ Thị Hồng N, ông Đinh Lệnh P có bán mủ cho Công ty THNH MTVS (nay là Công ty TNHH cao su A) (gọi tắt là Công ty A) do ông Nguyễn Văn M làm chủ sở hữu và là người đại diện theo pháp luật của công ty. Đến tháng 5/2012, Công ty Acòn nợ của ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó, đến ngày 01/6/2012, vợ chồng ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N và vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L thống nhất thỏa thuận chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng mà Công ty A còn nợ thành tiền vay, đồng thời ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N tiếp tục cho ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L vay thêm 1.000.000.000 đồng. Tổng số tiền vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Hà Thị Ngọc Lnợ của vợ chồng ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N là 2.000.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, bà Hà Thị Ngọc L viết giấy tay hẹn khi nào ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N đòi sẽ thanh toán, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng.

Kể từ ngày 01/6/2012 đến nay, ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L đã trả cho ông Đinh Lệnh P,bà Đỗ Thị Hồng N 02 tháng tiền lãi là 160.000.000 đồng.

Ngày 13/02/2015, trả ông Đinh Lệnh P 6.572 kg mủ thành phẩm trị giá 164.300.000 đồng, trừ vào tiền gốc; ngày 01 và 02 tháng 6/2015, ông Nguyễn Văn M trả tiếp cho ông Đinh Lệnh P bà Đỗ Thị Hồng N số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc; ngày 07/8/2015 ông Nguyễn Văn M tiếp tục chuyển trả số tiền gốc là 20.000.000 đồng.

Tổng cộng, ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L đã trả được 284.300.000 đồng tiền gốc. Số tiền gốc chưa trả là 1.715.700.000 đồng, yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L phải trả số tiền này.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 18/11/2016, ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N bổ sung khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L phải trả tiền lãi của số tiền còn nợ lại chưa thanh toán theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tính từ ngày 01/6/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải các bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L và đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L là chị Nguyễn Lan N trình bày:

Ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L thống nhất với ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N trong số tiền 2.000.000.000 đồng theo giấy Nhận nợ ngày 01/6/2012 có 1.000.000.000 đồng phát sinh từ giao dịch mua bán mủ cao su giữa ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N với Công ty A trong giai đoạn 2011-2012 và 1.000.000.000 đồng ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L vay của ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N. Khi thỏa thuận, bà Hà Thị Ngọc L viết giấy biên nhận thể hiện nội dung trên, tiền lãi hai bên thỏa thuận riêng là 4%/tháng, thời hạn vay không xác định.

Từ khi vay tiền đến nay, với tư cách cá nhân, ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L chưa trả cho ông Đinh Lệnh P,bà Đỗ Thị Hồng N bất kỳ khoản tiền gốc và tiền lãi. Tuy nhiên, Công ty A đã trực tiếp trả cho ông Đinh Lệnh P,bà Đỗ Thị Hồng N tổng số tiền gốc và lãi: 2.709.313.000 đồng.

Nay ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu M, bà Hà Thị Ngọc L trả số tiền gốc 1.715.700.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến nay thì ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L không đồng ý trả. Vì, trong số nợ này có 1.000.000.000 đồng là của Công ty A thì Công ty A có trách nhiệm trả.

- Đại diện theo pháp luật và theo ủy quyền của Công ty TNHH cao su A trình bày:

Công ty A thống nhất với ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N về nội dung tính đến ngày 01/6/2012 Công ty A còn nợ ông Đinh Lệnh P,bà Đỗ Thị Hồng N 1.000.000.000 đồng từ việc mua bán mủ cao su trong giai đoạn 2011-2012. Sau đó ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L vay thêm của ông Đinh Lệnh P bà Đỗ Thị Hồng N số tiền 1.000.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N là 2.000.000.000 đồng, không xác định thời hạn trả nợ và thỏa thuận lãi suất 4%/tháng.

Ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L trực tiếp hoặc thông qua Công ty A đã thanh toán cho ông Đinh Lệnh P,bà Đỗ Thị Hồng N tổng số tiền gốc và tiền lãi là 2.709.313.000 đồng. Nay ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L phải trả cho ông Đinh Lệnh P và bà Đỗ Thị Hồng N số tiền gốc là: 1.715.300.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước từ ngày 01/6/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty A không đồng ý vì Công ty đã thanh toán hết số tiền nợ 1.000.000.000 đồng, đồng thời còn trả dư ra 1.709.313.000 đồng. Nay Công ty A yêu cầu ông Đinh Lệnh P và bà Đỗ Thị Hồng N trả lại cho Công ty số tiền đã trả dư ra này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DSST ngày 30/6/2017, Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 68, Điều 147,Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 298, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 27Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa ánnăm 2009 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N.

Buộc bà Hà Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn M phải liên đới trả cho ông Đinh Lệnh P và bà Đỗ Thị Hồng N số tiền gốc đã vay ngày 01/6/2012 còn nợ lại là:1.715.700.000 đồngvà tiền lãi là: 696.724.800đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH cao su A về việc yêu cầu ông Đinh Lệnh P và bà Đỗ Thị Hồng N phải hoàn trả lại số tiền 1.709.313.000đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí,nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 11/7/2017, bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N.

Ngày 11/7/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH cao su A kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Công ty cao su A, buộc ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N trả cho Công ty số tiền 1.709.313.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N, bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L và người đại diện của Công ty TNHH cao su A đã thống nhất tự nguyện thỏa thuận:

+ Ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N đồng ý cho ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L thanh toán số tiền nợ 1.500.000.000 đồng; trong đó cá nhân ông

Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L có trách nhiệm trả 1.000.000.000 đồng, Công ty TNHH cao su A trả 500.000.0000 đồng.

Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, việc thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về án phí Hội đồng xét xử quyết định theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm vấn công khai các đương sự tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/3/2018 các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

+ Ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N đồng ý cho ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L thanh toán số tiền nợ 1.500.000.000 đồng; trong đó cá nhân ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L trả 1.000.000.000 đồng, Công ty TNHH cao su A trả 500.000.0000 đồng.

+ Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L phải chịu đối với phần nghĩa vụ phải trả 1.000.000.000 đồng, cụ thể: 42.000.000 đồng; Công ty TNHH cao su A phải chịu 24.000.000 đồng án phí. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L và Công ty TNHH cao su A đang lâm vào tình trạng phá sản, khó khăn về kinh tế có xác nhận của UBND xã V. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14, giảm ½ số tiền án phí cho ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L và Công ty TNHH cao su A.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L và Công ty TNHH cao su A phải chịu theo luật định.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;Điều 13, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DSST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Phước.

1/ Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N, bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH cao su A, với nội dung thỏa thuận:

- Ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N đồng ý cho ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L thanh toán số tiền nợ 1.500.000.000 đồng; trong đó: Cá nhân ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Lệnh P, bà Đỗ Thị Hồng N1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), Công ty TNHH cao su A có trách nhiệm trả 500.000.0000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[2] Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L phải chịu 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng);

- Công ty TNHH cao su A phải chịu 12.000.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà công ty TNHH cao su A đã nộp là: 31.639.695 đồng theo Biên lai thu tiền số 0014238,quyển số 000285 ngày 22/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Phước. Sau khi khấu trừ Chi cục Thi hành án dân sự huyện T hoàn trả cho Công ty TNHH cao su A số tiền (làm tròn)19.639.700 đồng *(mười chíntriệu sáu trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm đồng)*.

- Hoàn trả cho ông Đinh Lệnh P và bà Đỗ Thị Hồng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là:45.239.945 đồng*(Bốn mươi lăm triệu hai trăm ba mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi lăm đồng)* theo các biên lai thu tiền số 0013319,quyển số 000267 ngày 16/11/2015, số 0014406 quyển số 000289 ngày 07/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Phước.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014762, quyển số 000296 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Phước.

- Công ty TNHH cao su A phải chịu 300.000 đồng.Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH cao su A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014763, quyển số 000296 ngày 14/7/2017 củaChi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Viết Hùng **Nguyễn Văn Nhân** **Nguyễn Đình Loan**

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện T;
- THA DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Loan